KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	55,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.7%	-4.5%	-8.0%

DT thuần — 2024: **6,562** tỷ VNĐ — YoY ▲ 76.0 ▲ 1.2%

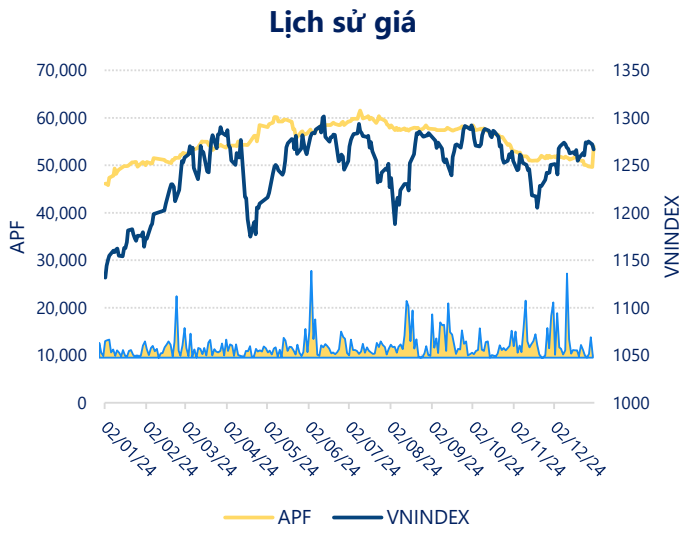
LN gộp — 2024: **589** tỷ VNĐ — YoY ▲ 11.0 ▲ 1.8%

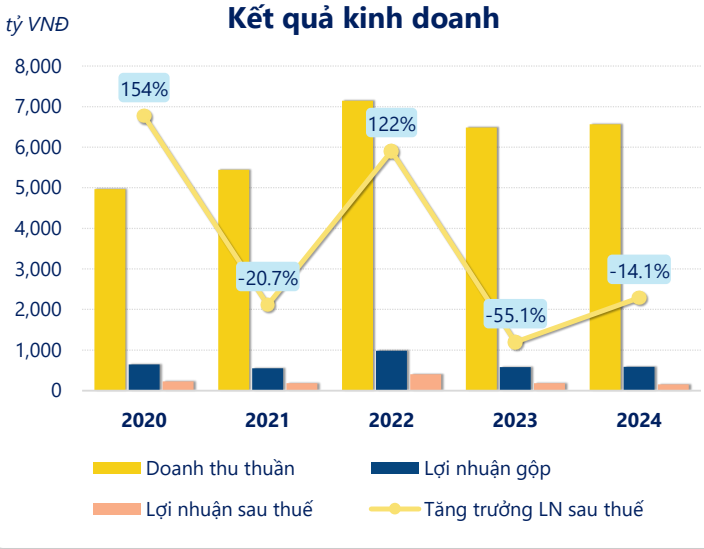
LN thuần — 2024: **162** tỷ VNĐ — YoY ▼ 22.0 ▼ 12.2%

LN sau thuế — 2024: **156** tỷ VNĐ — YoY ▼ 26.0 ▼ 14.1%

ROE — 2024: **13.6%** — +/- YoY ▼ 2.0%

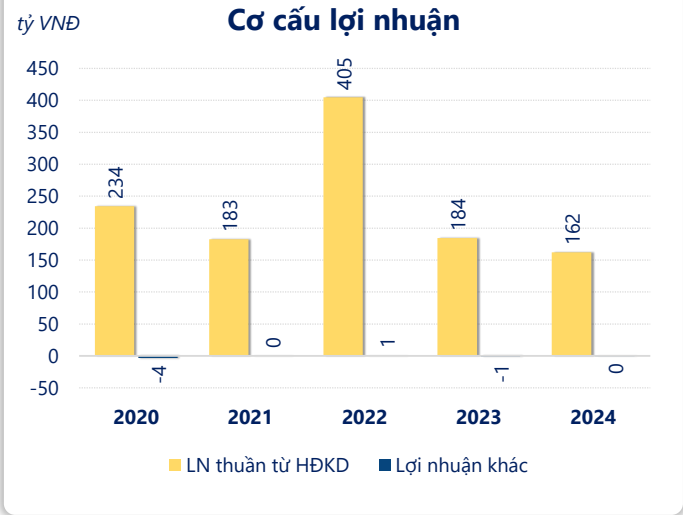
ROA — 2024: **4.6%** — +/- YoY ▼ 0.8%

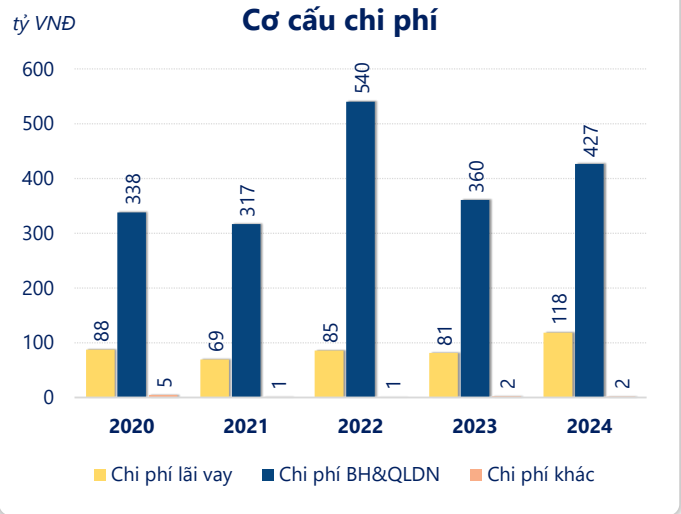




Năm **2024**, **APF** ghi nhận doanh thu thuần **6,562** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **156.0** tỷ đồng, lần lượt **tăng 1.17%** và **giảm 14.1%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **13.6%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

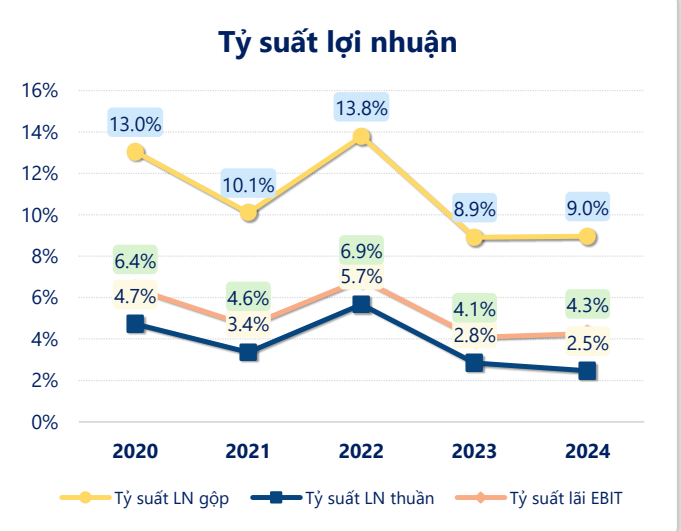


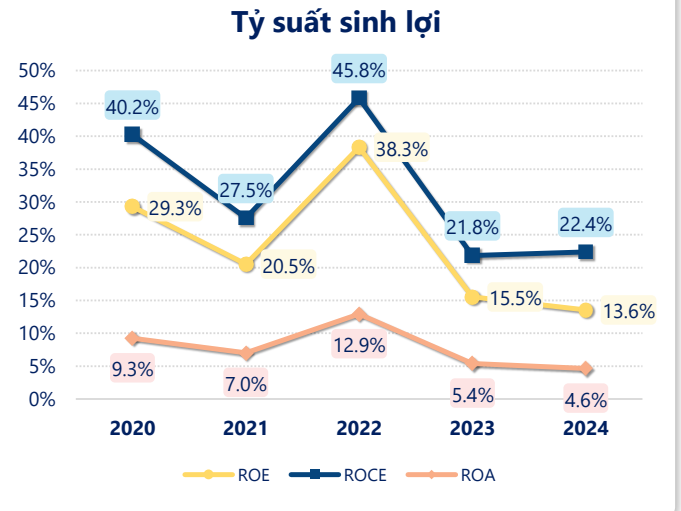


Năm **2024**, **APF** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **161.9** tỷ đồng, **giảm đi 22.51** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (233.7 tỷ đồng) là 71.76 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

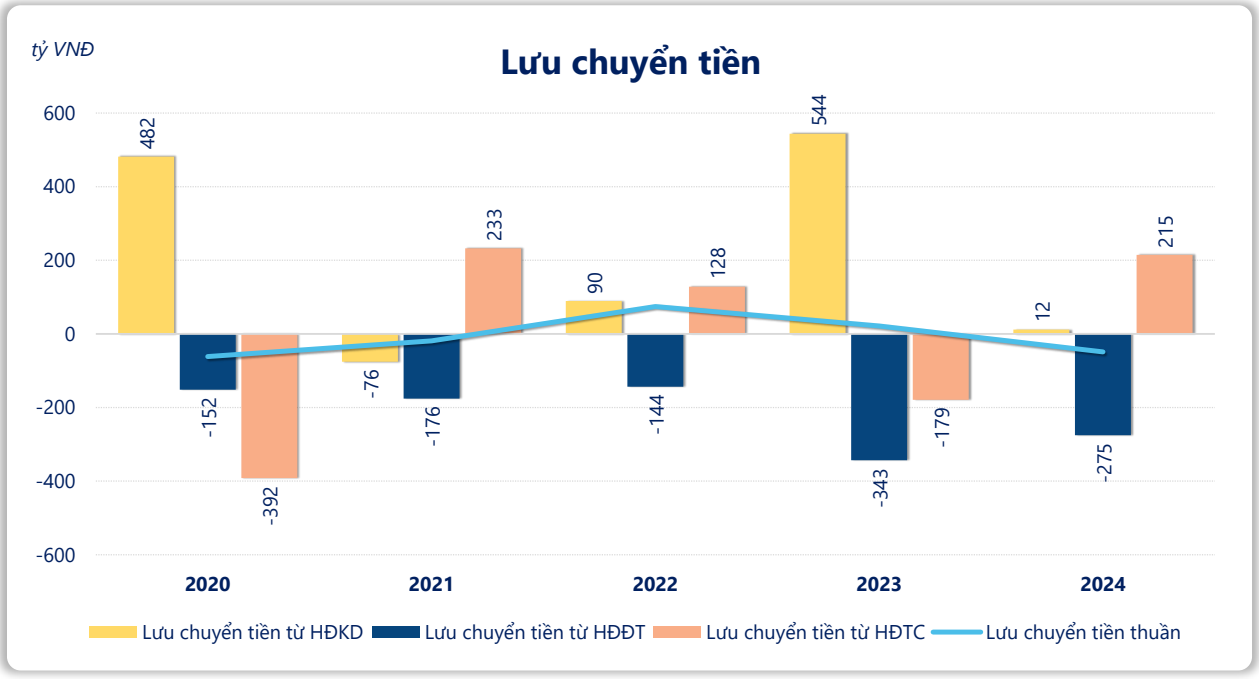
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **118.2** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **426.6** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.52** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của APF năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **13.6%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**4,963**	**5,445**	**7,144**	**6,486**	**6,562**
Giá vốn hàng bán	4,316	4,895	6,160	5,908	5,974
Lợi nhuận gộp	**647**	**550**	**985**	**578**	**589**
Doanh thu HĐTC	15.1	26.6	59.3	65.4	134
Chi phí TC	92.4	77.7	103	95.2	133
Chi phí lãi vay	**87.6**	**69.3**	**85.5**	**81.2**	**118**
LN trong công ty LKLD	2.09	0.46	3.33	-3.48	-0.45
Chi phí bán hàng	294	284	493	317	375
Chi phí QLDN	43.5	32.4	46.9	43.0	51.8
LN thuần từ HĐKD	**234**	**183**	**405**	**184**	**162**
Lợi nhuận khác	-3.51	0.26	0.56	-0.97	-0.27
LN trước thuế	**231**	**183**	**406**	**183**	**162**
Lợi nhuận sau thuế	**230**	**183**	**405**	**182**	**156**
LNST của CĐ cty mẹ	**206**	**165**	**365**	**171**	**153**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của APF bằng **-48.64** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (21.75 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **11.68** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-274.9** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **214.6** tỷ đồng.